TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/DS-PT
Ngày: 25-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 971/2025/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số F Khu phố B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Nhật T, sinh năm 1995 và ông Trần Quang K, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số A khu dân cư S, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (ông T có mặt, ông K có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Ông Nguyễn Văn T1 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (bà M, ông T1 vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Hứa Thị Xuân M1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số C ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Thanh T2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số C ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hứa Thị Xuân M1, ông Trần Thanh T2: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số E Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Ánh N, bà Hứa Thị Xuân M1, ông Trần Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Ngô Nhật T trình bày:

Do là người cùng địa phương nên bà Hứa Thị Xuân M1 có biết đến bà Lê Thị Ánh N, sau đó bà M1 có giới thiệu về việc chơi hụi do bà M1 làm chủ hụi. Bà M1 cũng nói thêm rằng, chơi hụi ở bà rất an tâm, có lời rất nhiều. Ngoài tên N thì bà N còn có tên khác là H1 (tên thường gọi ở nhà). Quá trình chơi hụi bà N cũng dùng tên H1. Ông Trần Thanh T2 là chồng của bà Hứa Thị Xuân M1, trong xuyên suốt quá trình chơi hụi ông T2 đã cùng hỗ trợ bà M1 để tổ chức chơi hụi, gom hụi, giao tiền hụi.

Đối với khoản nợ hụi và khoản tiền mượn bà N đang yêu cầu Q cơ quan giải quyết là khoản nợ chung của vợ chồng ông T2, bà M1. Hơn nữa, quá trình bà N đến nhà đòi tiền hụi và tiền mượn thì ông T2 cũng đứng ra trao đổi, thương lượng cùng vợ và nói để vợ chồng xoay sở tiền trả cho bà N. Do đó, bà N đưa ông Trần Thanh T2 vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bắt đầu từ tháng 03/2023, bà N bắt đầu chơi nhiều chân hụi. Bà N1 chơi tổng cộng 20 chân hụi, hụi khui hàng tuần, mười ngày, nửa tháng, hàng tháng tùy theo chân hụi, tất cả 20 chân hụi bà N1 chưa hốt. Cụ thể như sau:

1. Đối với hụi một tuần khui một lần, có 03 chân:

- Chân thứ nhất: Mở ngày 03/08/2023 âm lịch, hụi 200.000 đồng, tổng cộng 32 phần hụi, bà N1 chơi 15 phần, hụi chết được 27 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 27 phần chết 68.175.000 đồng;

- Chân thứ hai: Mở ngày 05/09/2023 âm lịch, hụi 200.000 đồng, tổng cộng 32 phần hụi, bà N1 chơi 10 phần, hụi chết được 22 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 22 phần chết 35.200.000 đồng.

2. Đối với hụi mười ngày khui một lần, có 01 chân:

Mở ngày 10/10/2021 âm lịch, hụi 200.000 đồng, tổng cộng 32 phần, bà N1 chơi 10 phần, hụi chết được 12 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 12 phần chết 19.200.000 đồng.

3. Đối với hụi nửa tháng khui một lần, có 04 chân:

- Chân thứ nhất: Mở ngày 10/04/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 22 phần, bà N1 chơi 02 phần, hụi khui vào ngày 10 và 20 hàng tháng, hụi chết được 20 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 20 phần chết 170.000.000 đồng:

- Chân thứ hai: Mở ngày 15/04/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 22 phần, bà N1 chơi 02 phần, hụi khui vào ngày 15 và 30 hàng tháng, hụi chết được 20 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 20 phần chết 170.000.000 đồng;

- Chân thứ ba: Mở ngày 05/07/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 22 phần, bà N1 chơi 02 phần, hụi khui vào ngày 05 và 20 hàng tháng, hụi chết được 14 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 14 phần chết 116.200.000 đồng;

- Chân hụi thứ tư: Mở ngày 30/06/2023 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng cộng 22 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 15 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 15 phần chết 24.600.000 đồng.

4. Đối với hụi một tháng khui một lần, có 13 chân:

- Chân thứ nhất: Mở ngày 25/03/2023 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng 15 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 11 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 11 phần chết 27.500.000 đồng;

- Chân thứ hai: Mở ngày 25/03/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 15 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 11 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 11 phần chết 90.000.000 đồng;

- Chân thứ ba: Mở ngày 29/04/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 15 phần hụi, bà N1 chơi 01 phần, hụi chết được 10 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 10 phần chết 40.000.000 đồng;

- Chân thứ tư: Mở ngày 30/08/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 15 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 06 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 06 phần chết 48.000.000 đồng;

- Chân thứ năm: Mở ngày 06/12/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 01 phần, hụi chết được 03 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 03 phần chết 12.000.000 đồng

- Chân thứ sáu: Mở ngày 07/12/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 03 phần, bà M1 trả nợ vốn đổi 03 phần chết 24.000.000 đồng;

- Chân thứ bảy, mở ngày 10/12/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 01 phần, hụi chết được 02 phần, bà M1 trả nợ vốn đối với phần hụi chết 16.000.000 đồng;

- Chân thứ tám: Mở ngày 15/12/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 02 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 02 phần chết 15.000.000 đồng;

- Chân thứ chín: Mở ngày 15/12/2023 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 02 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 02 phần chết 6.000.000 đồng;

- Chân thứ mười: Mở ngày 10/12/2023 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 02 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 02 phần chết 6.000.000 đồng;

- Chân thứ mười một: Mở ngày 20/12/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 02 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 02 phần chết 16.000.000 đồng;

- Chân thứ mười hai: Mở ngày 20/12/2023 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng 13 phần hụi, bà N1 chơi 02 phần, hụi chết được 02 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 02 phần chết 6.000.000 đồng;

- Chân thứ mười ba: Mở ngày 29/04/2023 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng 15 phần hụi, bà N1 chơi 01 phần, hụi chết được 10 phần, bà M1 trả nợ vốn đối 10 phần chết 25.000.000 đồng.

Qua 20 chân hụi bà N1 vừa nêu trên, đáng lẽ bà N1 hốt hụi đúng theo thỏa thuận thì số tiền rất nhiều, bao gồm vốn và tiền lời.

Tuy nhiên, sau nhiều lần bà N1 liên hệ bà M1, ông T2 để yêu cầu bỏ hụi và hốt hụi nhưng bà M1, ông T2 không cho bà N1 hốt.

Đến ngày 21/03/2024, thì bà M1 có viết cho bà N1 một giấy tay đề ngày 21/03/2024, nhưng trong giấy tay này bà M1 chỉ xác nhận tiền vốn bà N1 đã đóng cho bà M1, đối với tiền lời từ việc chơi hụi thì bà M1 không đưa vào giấy tay này.

Cụ thể số tiền hụi vốn của bà N1 là 934.875.000 đồng, tuy nhiên cấn trừ đi 6.000.000 đồng cho phần hụi khác (không liên quan đến các phần hụi đang yêu cầu), số tiền còn lại bà M1 đang chiếm giữ của bà N1 là 928.875.000 đồng (tương ứng 20 chân hụi).

Ngoài ra, dựa trên cơ sở quen biết từ việc chơi hụi bà M1 còn mượn bà N1 39.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả (nội dung này được bà M1 ghi nhận theo giấy viết tay ngày 21/3/2024).

Tổng cộng tiền vốn hụi và tiền mượn là: 967.875.000 đồng (trong đó: Tiền vốn hụi: 928.875.000 đồng; tiền mượn: 39.000.000 đồng).

Việc bà M1, ông T2 không cho bà N1 hốt hụi, không trả tiền hụi vốn cho bà N1, không trả tiền mượn bà N1 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1. Tất cả số tiền hụi, tiền cho mượn nêu trên là số tiền bà N1 gom góp để dưỡng già, tuy nhiên đến nay bà M1, ông T2 đã chiếm giữ hết, không trả cho bà N1 bất kỳ khoản tiền nào.

Vì vậy, bà N1 yêu cầu xem xét giải quyết:

1. Buộc bà M1 và ông T2 liên đới trả cho bà N1 số tiền là: 967.875.000 đồng (trong đó: Tiền vốn hụi: 928.875.000 đồng; tiền mượn: 39.000.000 đồng) theo giấy viết tay ngày 21/03/2024.

2. Buộc bà M1 và ông T2 liên đới trả lãi chậm trả cho bà N1 tính từ ngày viết giấy tay là ngày 21/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ ngày 21/3/2024 đến ngày 13/01/2025, số tiền gốc tính lãi là: 967.875.000 đồng, lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là: 0,83%/ tháng, là 967.875.000 đồng x 0,83% x 9 tháng 22 ngày = 78.191.395 đồng. Tổng cộng tiền vốn + lãi tạm tính là: 1.046.066.395 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng).

Trong vụ án này, bà N1 không yêu cầu giải quyết phần tiền lời trong suốt quá trình chơi hụi của 20 chân hụi. Bà N1 sẽ khởi kiện phần tiền lời ở vụ án khác khi xét thấy cần phải khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hứa Thị Xuân M1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T2 - ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vào năm 2023 bà M1 có làm chủ hụi, bà M1 thừa nhận và N1 có chơi hụi và bà có nợ hụi. Tài liệu liên quan đến hụi mà bà N1 cung cấp là do bà M1 ghi chép vào quyển vở giao cho bà N1 cất giữ. Bà M1 không đồng ý việc bà N1 cho rằng bà M1 nợ bà N1 số tiền 967.875.000 đồng. Nay bà M1 chỉ đồng ý chỉ hoàn trả lại cho bà N1 số tiền hụi + vay là 926.600.000 đồng (chín trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) và xin không tính tiền lãi số tiền trên.

Việc bà M1 làm hụi với bà N1 thì ông Trần Thanh T2 không tham gia và cũng không hay biết, ông T2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N1 vì ông T2 không có liên quan gì trong vụ án này và yêu cầu không đưa ông T2 vào người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 471; Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định "Về Họ, hụi, biêu, phường";

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh N2; cụ thể tuyên:

Buộc bà Hứa Thị Xuân M1 và ông Trần Thanh T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Ánh N số tiền 967.875.000 (chín trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Ánh N với số tiền lãi là 78.191.395 (bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự và thi hành bản án.

Ngày 22/01/2025, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà và buộc bà Hứa Thị Xuân M1 và ông Trần Thanh T2 liên đới trả lãi chậm trả cho bà tính trên số tiền gốc là 967.875.000 đồng, thời gian tính lãi là 09 tháng 22 ngày, lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 78.191.395 đồng.

Ngày 22/01/2025, bị đơn bà Hứa Thị Xuân M1 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu tuyên không buộc bà có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền 967.875.000 đồng, bà chỉ thừa nhận có nợ bà N 926.600.000 đồng.

Ngày 22/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T2 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu tuyên không buộc ông có nghĩa vụ liên đới với bà Hứa Thị Xuân M1 trả cho

bà N số tiền 967.875.000 đồng vì ông không có liên quan đến số tiền mượn và tiền nợ hụi giữa bà M1 và bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm vào ngày 01/4/2025 các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm được mở lại vào ngày 25/4/2025, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, phía nguyên đơn và phía bị đơn thỏa thuận phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 947.237.500 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N, bị đơn bà Hứa Thị Xuân M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T2 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Phía bà Hứa Thị Xuân M1 và ông Trần Thanh T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Ánh N số tiền nợ vay và số tiền góp hụi tổng cộng số tiền 947.237.500 đồng, phía nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận. Do đó, cần buộc

ông Trần Thanh T2 và bà Hứa Thị Xuân M1 liên đới trả cho bà Lê Thị Ánh N số tiền 947.237.500 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do các bên thỏa thuận được việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên các bên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 471; Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định "Về Họ, hụi, biêu, phường";

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh N; cụ thể tuyên:

Buộc bà Hứa Thị Xuân M1 và ông Trần Thanh T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Ánh N số tiền 947.237.500 (chín trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

+ Bà Hứa Thị Xuân M1 và ông Trần Thanh T2 liên đới nộp 40.417.125 (bốn mươi triệu bốn trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng.

+ Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Lê Thị Ánh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005367 (số tiền 300.000 đồng) và 0005368 (số tiền 300.000 đồng) ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Ánh N, bà Hứa Thị Xuân M1 và ông Trần Thanh T2 mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007868 ngày 05/02/2025; 0007872 và 0007873 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận